

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 84 /UBND-TH
V/v tổ chức triển khai Nghị quyết
số 34/2017/NQ-HĐND của
HĐND tỉnh

Đắk Lắk, ngày 04 tháng 01 năm 2018

Kính gửi:

- Các Sở, ngành: Lao động - Thương binh và Xã hội, Thông tin và Truyền thông, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ban Dân tộc tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố.

Thực hiện Nghị quyết số 34/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của HĐND tỉnh về việc ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk (photo văn bản kèm theo), UBND tỉnh có ý kiến như sau:

Giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Thông tin và Truyền thông, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ban Dân tộc tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao chủ động tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết số 34/2017/NQ-HĐND của HĐND tỉnh và tham mưu UBND tỉnh theo đúng quy định./

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT. HĐND tỉnh (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Các phòng: KGVX, KT, NNMT;
- Trung tâm TTCB;
- Lưu: VT, TH (T. 30b).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hải Ninh

Số: 34/2017/NQ-HĐND

Đắk Lắk, ngày 08 tháng 12 năm 2017

NGHỊ QUYẾT

Ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk



**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ NĂM**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 1722/QĐ-TTg ngày 02 tháng 9 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 48/2016/QĐ-TTg ngày 31 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Thông tư số 15/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Thông tư số 18/2017/TT-BNNPTNT ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số nội dung thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và dự án nhân rộng mô hình giảm nghèo thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020;

Xét Tờ trình số 137/TTr-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc đề nghị ban hành Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững tỉnh Đắk Lắk trong giai đoạn 2018 - 2020; Báo cáo thẩm tra số 113/BC-HĐND ngày 04 tháng 12 năm 2017 của Ban Văn hóa - Xã hội của Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai, thực hiện Nghị quyết này và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại các kỳ họp.

Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk Khóa IX, Kỳ họp thứ Năm thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2017 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2018./.

CHỦ TỊCH

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu;
- Bộ Tài chính; Bộ LĐTBXH, UBĐT,
Bộ KH&ĐT, Bộ NN&PTNT;
- Cục KTVBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh; UBMTTQ VN tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Sở LĐTBXH, TC, KH&ĐT,
NN&PTNT, TP, Ban Dân tộc;
- TT. HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- HĐND, UBND cấp xã;
(UBND cấp huyện sao gửi)
- Đài PTTH tỉnh; Báo Đắk Lắk;
- Công báo tỉnh; Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, Ct HĐND.



Y Biêr Niê

QUY ĐỊNH

**Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách
nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo
bền vững giai đoạn 2016 – 2020 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk**
*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 34/2017/NQ-HĐND
Ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk)*

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk (sau đây gọi tắt là Chương trình) là căn cứ để lập kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình của cả tỉnh, của các cấp, các ngành và đơn vị sử dụng vốn ngân sách nhà nước. Đồng thời, là căn cứ để quản lý, giám sát, thanh tra, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm Chương trình.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các sở, ban, ngành của tỉnh, các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị sử dụng kinh phí Chương trình.
2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến lập kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình.

Điều 3. Nguyên tắc phân bổ vốn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình

1. Việc phân bổ vốn đầu tư phát triển và kinh phí sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình phải tuân thủ các quy định của Luật đầu tư công, Luật ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật có liên quan.
2. Bảo đảm quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách; thực hiện phân cấp trong quản lý đầu tư theo quy định của pháp luật, tạo quyền chủ động cho các sở, ban, ngành của tỉnh và các cấp chính quyền địa phương.
3. Việc phân bổ vốn đầu tư phát triển và kinh phí sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước nhằm thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình.
4. Ưu tiên bố trí vốn cho các vùng biên giới, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn, góp

phần thu hẹp dần khoảng cách về trình độ phát triển, thu nhập và mức sống của dân cư giữa các địa bàn trong cả tỉnh.

5. Bảo đảm công khai, minh bạch trong việc phân bổ vốn kế hoạch thực hiện Chương trình, góp phần đẩy mạnh cải cách hành chính và tăng cường công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Chương II **TIÊU CHÍ VÀ ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ**

Điều 4. Dự án 1 - Chương trình 30a

1. Phạm vi, đối tượng hỗ trợ

a) Tiêu dự án 1 - Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng: Các huyện nghèo trên địa bàn tỉnh theo quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền (sau đây gọi là huyện nghèo).

b) Tiêu dự án 2 - Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo: Người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người dân, nhóm hộ và cộng đồng dân cư trên địa bàn huyện nghèo, trong đó: ưu tiên người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, người khuyết tật còn khả năng lao động thuộc hộ nghèo, phụ nữ thuộc hộ nghèo; tạo điều kiện để người sau cai nghiện ma túy, nhiễm HIV/AIDS, phụ nữ bị buôn bán trở về thuộc hộ nghèo tham gia dự án.

c) Tiêu dự án 3 - Hỗ trợ cho lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài: Lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, người dân tộc thiểu số, lao động cư trú dài hạn trên địa bàn các huyện nghèo; ưu tiên đối tượng lao động là thanh niên chưa có việc làm, đặc biệt là thanh niên thuộc hộ dân tộc thiểu số nghèo, phụ nữ thuộc hộ nghèo tại các huyện nghèo.

2. Tiêu chí và cách tính hệ số các tiêu chí

Tiêu chí	Hệ số
1. Tiêu chí quy mô dân số	
Huyện có quy mô dân số dưới 17.000 hộ	0,2
Huyện có quy mô dân số từ 17.000 hộ trở lên	0,22
2. Tiêu chí quy mô dân tộc thiểu số	
Huyện có quy mô hộ dân tộc thiểu số dưới 10.000 hộ	0,17
Huyện có quy mô hộ dân tộc thiểu số từ 10.000 hộ trở lên	0,2
3. Tiêu chí tỷ lệ hộ nghèo	

Huyện có tỷ lệ hộ nghèo dưới 52%	0,2
Huyện có tỷ lệ hộ nghèo từ 52% trở lên	0,22
4. Tiêu chí quy mô hộ nghèo	
Huyện có quy mô hộ nghèo dưới 9.000 hộ	0,22
Huyện có quy mô hộ nghèo từ 9.000 hộ trở lên	0,24
5. Tiêu chí diện tích đất tự nhiên	
Huyện có tổng diện tích tự nhiên dưới 150.000 ha	0,14
Huyện có tổng diện tích tự nhiên từ 150.000 ha trở lên	0,16
6. Tiêu chí số đơn vị hành chính	
Huyện có số đơn vị hành chính cấp xã dưới 12	0,1
Huyện có số đơn vị hành chính cấp xã từ 12 trở lên	0,12
7. Tiêu chí số xã biên giới	
Huyện không có xã biên giới	0,1
Huyện có xã biên giới	0,16

Tổng hệ số các tiêu chí của một huyện nghèo = Hệ số theo quy mô dân số + Hệ số theo quy mô dân tộc thiểu số + Hệ số theo tỷ lệ hộ nghèo + Hệ số theo quy mô hộ nghèo + Hệ số theo diện tích đất tự nhiên + Hệ số theo số đơn vị hành chính + Hệ số theo số xã biên giới.

Tổng hệ số của Chương trình = Tổng hệ số của các huyện nghèo

3. Căn cứ để xác định các tiêu chí của huyện

a) Quy mô dân số, quy mô dân tộc thiểu số, tỷ lệ hộ nghèo, quy mô hộ nghèo của huyện để tính toán hệ số được xác định căn cứ vào số liệu công bố Tổng điều tra hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2015 theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 - 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Diện tích đất tự nhiên, đơn vị hành chính cấp xã của huyện để tính toán hệ số được xác định theo số liệu tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 theo công bố của Cục Thống kê tỉnh.

c) Đơn vị hành chính cấp xã biên giới của huyện để tính toán hệ số được xác định theo số liệu đơn vị hành chính cấp xã biên giới theo Quyết định của cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Định mức phân bổ

a) Tiểu dự án 1 - Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng

- Đối với vốn đầu tư phát triển:

Số vốn đầu tư phát triển cho từng huyện nghèo = Mức vốn bình quân phân bổ cho 01 hệ số x Tổng hệ số các tiêu chí của từng huyện nghèo

Trong đó: Mức vốn bình quân phân bổ cho 01 hệ số = Tổng vốn đầu tư phát triển được phân bổ : Tổng hệ số của Chương trình

- Đối với kinh phí sự nghiệp duy tu bảo dưỡng: bằng 6,3% vốn đầu tư phát triển.

b) Tiêu dự án 2 - Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo

Số vốn hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo cho từng huyện nghèo = Mức vốn bình quân phân bổ cho 01 hệ số x Tổng hệ số các tiêu chí của từng huyện nghèo

Trong đó: Mức vốn bình quân phân bổ cho 01 hệ số = Tổng vốn hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo được phân bổ : Tổng hệ số của Chương trình

Mức hỗ trợ dự án tối đa là 450 triệu đồng/dự án; chi xây dựng và quản lý dự án không quá 5% tổng kinh phí thực hiện dự án và 7% mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho dự án; mức hỗ trợ cho các hộ tối đa 20 triệu đồng/hộ nghèo, 17 triệu đồng/hộ cận nghèo, 14 triệu đồng/hộ mới thoát nghèo.

c) Tiêu dự án 3 - Hỗ trợ cho lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài: Căn cứ vào vốn được phân bổ và số lượng lao động đăng ký tham gia của các huyện nghèo, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

5. Trường hợp Trung ương phân bổ vốn Chương trình 30a cụ thể cho từng huyện nghèo, thì thực hiện theo phân bổ của Trung ương, không áp dụng định mức phân bổ quy định tại Điều này.

Điều 5. Dự án 2 - Chương trình 135

1. Phạm vi, đối tượng hỗ trợ

a) Tiêu dự án 1 - Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng: Các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu; các thôn, buôn đặc biệt khó khăn thuộc diện đầu tư Chương trình 135 theo quyết định của cấp có thẩm quyền (sau đây gọi là xã, thôn, buôn thuộc diện đầu tư Chương trình 135).

b) Tiêu dự án 2 - Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo: Người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người dân, nhóm hộ và cộng đồng dân cư trên địa bàn xã, thôn, buôn thuộc diện đầu tư Chương trình 135, trong đó: ưu tiên người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, người khuyết tật còn khả năng lao động thuộc hộ nghèo, phụ nữ thuộc hộ nghèo; tạo điều kiện để người sau cai nghiện ma túy, nhiễm HIV/AIDS, phụ nữ bị buôn bán trở về thuộc hộ nghèo tham gia dự án.

c) Tiêu dự án 3 - Nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ cơ sở: Cộng đồng, cán bộ cơ sở các xã, thôn, buôn thuộc Chương trình 135.

2. Tiêu chí và cách tính hệ số các tiêu chí

Tiêu chí	Hệ số
1. Tiêu chí về xã	
Cứ mỗi xã khu vực III (kể cả là xã an toàn khu hoặc biên giới) được tính	10
Cứ mỗi xã khu vực II biên giới được tính	9,5
Cứ mỗi xã khu vực II an toàn khu được tính	9
2. Tiêu chí thôn, buôn đặc biệt khó khăn	
Cứ 01 thôn đặc biệt khó khăn thuộc diện đầu tư được tính	1,8
3. Tiêu chí tỷ lệ hộ nghèo	
Tỷ lệ hộ nghèo của xã nhỏ hơn hoặc bằng tỷ lệ chung của cả tỉnh	0
Tỷ lệ hộ nghèo của xã nhỏ hơn hoặc bằng 1,5 lần tỷ lệ chung của cả tỉnh	0,02
Tỷ lệ hộ nghèo của xã nhỏ hơn hoặc bằng 2 lần tỷ lệ chung của cả tỉnh	0,03
Tỷ lệ hộ nghèo của xã nhỏ hơn hoặc bằng 2,5 lần tỷ lệ chung của cả tỉnh	0,04
Tỷ lệ hộ nghèo của xã cao hơn 2,5 lần tỷ lệ chung của cả tỉnh	0,05
4. Tiêu chí tỷ lệ hộ dân tộc thiểu số	
Xã có tỷ lệ hộ dân tộc thiểu số dưới 20%	0,03
Xã có tỷ lệ hộ dân tộc thiểu số từ 20% đến 30%	0,04
Xã có tỷ lệ hộ dân tộc thiểu số trên 30%	0,05

Tổng hệ số các tiêu chí của 1 xã = Hệ số theo tiêu chí về xã x (1 + Hệ số theo tiêu chí tỷ lệ hộ nghèo + Hệ số theo tiêu chí tỷ lệ hộ dân tộc thiểu số)

Tổng hệ số của Chương trình = Tổng hệ số của các xã thuộc diện đầu tư Chương trình 135 + Tổng hệ số của các thôn, buôn thuộc diện đầu tư Chương trình 135.

3. Căn cứ để xác định các tiêu chí

a) Xã khu vực III, II, xã biên giới, xã an toàn khu, thôn, buôn đặc biệt khó khăn theo các quyết định, nghị định, nghị quyết... của cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Tỷ lệ hộ nghèo, quy mô hộ nghèo, tỷ lệ hộ dân tộc thiểu số của các xã đặc biệt khó khăn để tính toán hệ số được xác định căn cứ vào số liệu công bố

Tổng điều tra hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2015 theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 - 2020 của Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố.

c) Tỷ lệ hộ nghèo, quy mô hộ nghèo của cả tỉnh để tính toán hệ số được xác định căn cứ vào số liệu công bố Tổng điều tra hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2015 theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 - 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Định mức phân bổ

a) Tiêu dự án 1 - Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng

- Đối với vốn đầu tư phát triển:

Số vốn đầu tư phát triển phân bổ cho từng xã thuộc diện đầu tư Chương trình 135 = Mức vốn bình quân phân bổ cho 01 hệ số x Tổng hệ số các tiêu chí của từng xã

Số vốn đầu tư phát triển phân bổ cho từng thôn, buôn thuộc diện đầu tư Chương trình 135 = Mức vốn bình quân phân bổ cho 01 hệ số x Hệ số theo tiêu chí thôn, buôn

Trong đó: Mức vốn bình quân phân bổ cho 01 hệ số = Tổng vốn đầu tư phát triển được phân bổ : Tổng hệ số của Chương trình

- Kinh phí sự nghiệp duy tu bảo dưỡng: Căn cứ tình hình thực tế các sở, ban, ngành thống nhất trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

b) Tiêu dự án 2 - Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo (kinh phí sự nghiệp)

- Vốn hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế:

Số vốn phân bổ cho từng xã thuộc diện đầu tư Chương trình 135 = Mức vốn bình quân phân bổ cho 01 hệ số x Tổng hệ số các tiêu chí của từng xã

Số vốn phân bổ cho từng thôn, buôn diện đầu tư Chương trình 135 = Mức vốn bình quân phân bổ cho 01 hệ số x Hệ số theo tiêu chí thôn, buôn

Trong đó: Mức vốn bình quân phân bổ cho 01 hệ số = Tổng vốn hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế được phân bổ : Tổng hệ số của Chương trình

- Vốn nhân rộng mô hình giảm nghèo: Phân bổ cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để phối hợp với các sở, ban, ngành lựa chọn các dự án do cộng đồng đề xuất, Ủy ban nhân dân cấp xã đề nghị và được Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt để triển khai thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 18/2017/TT-BNNPTNT ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Mức hỗ trợ dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo tối đa là 450 triệu đồng/dự án; chi xây dựng và quản lý dự án không quá 5% tổng kinh phí thực hiện dự án và 7% mức hỗ trợ từ ngân

sách nhà nước cho dự án; mức chi chuyên môn hỗ trợ tối đa 20 triệu đồng/hộ nghèo, 17 triệu đồng/hộ cận nghèo, 14 triệu đồng/hộ mới thoát nghèo.

c) Tiêu dự án 3 - Nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ cơ sở

Phân bổ cho Ban Dân tộc để phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan và địa phương tổ chức triển khai thực hiện.

d) Trường hợp số vốn đầu tư cơ sở hạ tầng và vốn hỗ trợ phát triển sản xuất phân bổ cho từng thôn, buôn theo quy định quá ít, không hiệu quả; căn cứ vào tình hình thực tế các sở, ban, ngành thống nhất trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

Điều 6. Dự án 3 - Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế, nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn các xã ngoài Chương trình 30a và Chương trình 135

1. Phạm vi, đối tượng hỗ trợ: Người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người dân, nhóm hộ và cộng đồng dân cư trên địa bàn các xã ngoài Chương trình 30a và Chương trình 135, trong đó: ưu tiên người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, người khuyết tật còn khả năng lao động thuộc hộ nghèo, phụ nữ thuộc hộ nghèo; tạo điều kiện để người sau cai nghiện ma túy, nhiễm HIV/AIDS, phụ nữ bị buôn bán trở về thuộc hộ nghèo tham gia dự án.

2. Mức hỗ trợ: Mức hỗ trợ dự án tối đa là 450 triệu đồng/dự án; chi xây dựng và quản lý dự án không quá 5% tổng kinh phí thực hiện dự án và 7% mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho dự án; mức chi chuyên môn hỗ trợ tối đa 20 triệu đồng/hộ nghèo, 17 triệu đồng/hộ cận nghèo, 14 triệu đồng/hộ mới thoát nghèo.

3. Phân bổ vốn

a) Vốn hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế: Phân bổ cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để phối hợp với các sở, ban, ngành lựa chọn các dự án do cộng đồng đề xuất, Ủy ban nhân dân cấp xã đề nghị và được Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt để triển khai thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 18/2017/TT-BNNPTNT ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

b) Vốn nhân rộng mô hình giảm nghèo: Phân bổ cho Sở Lao động – Thương binh và Xã hội để phối hợp với các sở, ban, ngành lựa chọn các dự án do cộng đồng đề xuất, Ủy ban nhân dân cấp xã đề nghị và được Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt để triển khai thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 18/2017/TT-BNNPTNT ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 7. Dự án 4 - Truyền thông và giảm nghèo về thông tin

1. Phạm vi hỗ trợ: Các sở, ban, ngành ở tỉnh, địa phương thực hiện Chương trình, ưu tiên vùng đặc biệt khó khăn, dân tộc miền núi.

2. Đối tượng hỗ trợ: Người dân, cộng đồng dân cư; các tổ chức và cá nhân có liên quan.

3. Phân bổ vốn

a) Vốn thực hiện giảm nghèo về thông tin: Phân bổ cho Sở Thông tin và Truyền thông để phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan và các địa phương tổ chức triển khai thực hiện;

b) Vốn thực hiện truyền thông về giảm nghèo: Phân bổ cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan và các địa phương tổ chức triển khai thực hiện;

Điều 8. Dự án 5 - Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình

1. Phạm vi hỗ trợ: Các sở, ban, ngành ở tỉnh, địa phương thực hiện Chương trình, ưu tiên vùng đặc biệt khó khăn, dân tộc miền núi.

2. Đối tượng hỗ trợ

a) Đối với hoạt động nâng cao năng lực: Cán bộ làm công tác giảm nghèo các cấp (cán bộ thôn, buôn, đại diện cộng đồng, lãnh đạo tổ nhóm, cán bộ chi hội đoàn thể, cộng tác viên giảm nghèo, người có uy tín), ưu tiên nâng cao năng lực cho cán bộ nữ;

b) Đối với công tác giám sát đánh giá: Cơ quan chủ trì Chương trình các cấp, các cơ quan chủ trì các dự án thành phần các cấp và các cán bộ được phân công phụ trách và tổ chức thực hiện công tác giám sát, đánh giá;

c) Các tổ chức và cá nhân có liên quan.

3. Phân bổ vốn: Phân bổ cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan và địa phương tổ chức triển khai thực hiện./.

CHỦ TỊCH



Y Biêr Niê